

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NẬM NHÙN  
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25-9-2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con khi ly hôn ”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM NHÙN, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Đồng Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông : Phan Văn Thóc

2. Bà: Lò Thị Chương

- Thư ký phiên tòa: Ông: Bà Thào Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân  
huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn tham gia phiên tòa:  
Ông: Đặng Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh  
Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 03  
tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo quyết  
định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 09 năm 2024  
giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cà Thị P, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị  
trấn N, huyện N, tỉnh Lai Châu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Lò Văn D, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn  
N, huyện N, tỉnh Lai Châu. (Hiện đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa  
vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Ninh). Có  
đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/05/2024 và tại các lời khai trong quá trình giải  
quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Cà Thị P trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lò Văn D đến với nhau có đăng ký kết  
hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Lai Châu vào ngày 13/3/2017.  
Chị và anh D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi  
kết hôn, chị và anh D chung sống hòa thuận hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì  
cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan

điểm sống, không hợp nhau, không có tiếng nói chung, anh **D** không chịu làm ăn, nghiện hút ma túy, đánh chửi vợ con, mặc dù hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh **D** vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Năm 2023 anh **D** đi làm Công ty **D2** nhưng do nghiện ma túy nên tháng 01 năm 2024 anh **D** bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng. Hiện nay anh **D** đang chấp hành tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Ninh. Nay chị **P** nhận thấy tình cảm giữa chị và anh **D** không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Lò Văn D**.

2. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị **Cà Thị P** và anh **Lò Văn D** có 02 (hai) con chung chưa thành niên là cháu **Lò Minh K**, sinh ngày 24/11/2023 và cháu **Lò Hữu P1**, sinh ngày 27/01/2019. Khi ly hôn chị **Cà Thị P** có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung chưa thành niên đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh **Lò Văn D** cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng và vay nợ chung: Chị **Cà Thị P** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, kèm theo đơn khởi kiện chị **Cà Thị P** đã nộp cho Tòa án: Trích lục kết hôn số 04/2017, ngày 13/3/2017; bản sao có chứng thực Giấy khai sinh số 06/2019, ngày 04/3/2019; bản sao có chứng thực Giấy khai sinh số 04/2013, ngày 24/12/2013 của Ủy ban nhân dân thị trấn **C**; bản sao căn cước công dân chị **P**; bản sao Giấy chứng minh nhân dân anh **D**; Giấy xác nhận thông tin về nơi cư trú và bản sao quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc. Việc giao nộp tài liệu chứng cứ đúng thời gian và đúng trình tự thủ tục.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại Bản tự khai, các tài liệu chứng cứ kèm theo, đơn xin từ chối tham gia hòa giải và xét xử vắng mặt bị đơn anh **Lò Văn D** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh **Lò Văn D** khẳng định về thời gian sống chung và đăng ký kết hôn như chị **Cà Thị P** trình bày là đúng. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị **P** sống chung rất hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì xảy ra, nhưng do anh bị nghiện nên đến tháng 01 năm 2024 thì anh bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 (mười tám) tháng, hiện đang chấp hành tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Ninh, địa chỉ: **Thôn Đ, xã V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh**. Anh **D1** thừa nhận bản thân nghiện chất ma túy từ năm 2023, tuy nhiên gia đình không biết. Quá trình chung sống anh, chị có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã tuy nhiên chưa có hành vi bạo lực gia đình, mặc dù vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng do còn tình cảm với chị **P** nên anh **D1** không đồng ý ly hôn với chị **P**.

Về nuôi con chung: Anh **Lò Văn D** công nhận trong quá trình sống chung với nhau anh và chị **P** có 02 (hai) con chung như chị **Cà Thị P** trình bày là đúng.

Hiện nay con chung đang sống chung cùng chị P và ông bà nội. Do anh D không muốn ly hôn với chị P nên về con chung anh D không có ý kiến hay quan điểm gì về việc nuôi con chung.

Về chia tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng và vay nợ chung: Anh Lò Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu đã thụ lý vụ án và tiến hành xác minh tại nơi cư trú của chị Cà Thị P và anh Lò Văn D xác định: Chị Cà Thị P và anh Lò Văn D tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Lai Châu. Sau khi kết hôn anh, chị sống chung cùng nhà với bố mẹ chồng và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Lai Châu. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống vui vẻ, hạnh phúc tuy nhiên do anh D không chịu tu chí làm ăn, chỉ chơi bời và nghiện hút ma túy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, đánh chửi lẫn nhau, nhưng mâu thuẫn chỉ xảy ra trong nội bộ gia đình tự giải quyết được nên chưa có lần nào phải yêu cầu đến lãnh đạo bản, lãnh đạo xã đứng ra can thiệp hay tổ chức hòa giải mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Hiện nay anh D đang chấp hành việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Ninh, còn chị P thì vẫn ở nhà bố mẹ chồng cùng các con tại tổ dân phố N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Lai Châu.

Chị Cà Thị P và anh Lò Văn D sống chung với ông bà nội tại ngôi nhà gỗ ba gian tại tổ dân phố N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Lai Châu. Cả hai đều là lao động tự do với mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại trên địa bàn thị trấn N là 45.000.000 đồng/năm (khoảng 3.750.000 đồng/tháng). Chị Cà Thị P chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và quy định của địa phương, không vi phạm pháp luật, không mắc tệ nạn xã hội, riêng đối với anh Lò Văn D nghiện chất ma túy, hiện đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, trong thời gian chấp hành quyết định anh D không có thu nhập.

Trong thời kỳ hôn nhân, chị Cà Thị P và anh Lò Văn D có 02 (hai) con chung chưa thành niên là cháu Lò Minh K, sinh ngày 24/11/2013 và cháu Lò Hữu P1, sinh ngày 27/01/2019. Hiện con chung đang sinh sống cùng với chị P và ông bà nội. Cả hai con chung đều được đi học. Tại biên bản ghi nhận ý kiến về nguyện vọng của con chung chưa thành niên cháu Lò Minh K có nguyện vọng sống cùng với mẹ là chị Cà Thị P.

Các đương sự không thỏa thuận, thống nhất được với nhau về việc ly hôn, việc nuôi con chưa thành niên. Nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20 tháng 9 năm 2024 nguyên đơn chị Cà Thị P vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn D theo nội dung đơn xin ly hôn của chị P đã trình bày.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp Luật Tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Về phía các đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Cà Thị P ly hôn với anh Lò Văn D.

Về con chung: Giao cho chị Cà Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Giáo dục cả hai con chung chưa thành niên là cháu Lò Minh K, sinh ngày 24/11/2013 và cháu Lò Hữu P1, sinh ngày 27/01/2019 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động. Do chị Cà Thị P không yêu cầu anh Lò Văn D cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ chung: Chị Cà Thị P và anh Lò Văn D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào diễn biến phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh **Lò Văn D** có nơi cư trú tại **tổ dân phố N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Lai Châu**. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

Ngày 25/9/2024, Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn mở phiên tòa, chị **Cà Thị P** và anh **Lò Văn D** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Cà Thị P** và anh **Lò Văn D** tự nguyện tìm hiểu, sống chung có đăng ký kết hôn năm 2017 tại **Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Lai**, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị **P** và anh **D** là hôn nhân hợp pháp.

Chị **Cà Thị P** và anh **Lò Văn D** sống chung hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh **D** không chịu làm ăn, nghiện hút ma túy và thường xuyên đánh chửi vợ con. Mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình động viên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Anh **Lò Văn D** thừa nhận bản thân sử dụng và nghiện chất ma túy từ năm 2023, đến năm 2024 phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và từ đó anh chị sống ly thân cho đến nay.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho biết: Chị **P** và anh **D** có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản **tổ dân phố N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Lai Châu**. Về mâu thuẫn vợ chồng thì quá trình chung sống tại địa phương, chị **P** và anh **D** có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh **D** không chịu tu chí làm ăn, chỉ chơi bời và nghiện hút ma túy. Hiện anh **D** đang phải chấp hành quyết định cai nghiện. Trong thời gian anh **D** cai nghiện các con chung ở cùng với chị **P** và ông bà nội, chị **P** là người chu cấp tiền nuôi con chung đảm bảo các điều kiện sinh hoạt, học tập của các con. Đại diện chính quyền địa phương xác nhận anh **Lò Văn D** là đối tượng sử dụng chất ma túy, hiện đang phải chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Ninh.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **Cà Thị P** và anh **Lò Văn D** xảy ra trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn. Anh **Lò Văn D** nghiện chất ma túy, không chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có lỗi dẫn đến ly hôn. Các bên đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng như không còn yêu thương nhau, không còn sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng chia sẻ, thực hiện

các công việc của gia đình và hiện nay anh, chị đã ly thân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu của chị **P** được ly hôn với anh **D** là có căn cứ phù hợp với các quy định tại Điều 52; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ bản sao có chứng thực Giấy khai sinh số 06 ngày 04/3/2019; bản sao có chứng thực Giấy khai sinh số 04 ngày 24/12/2013 của Ủy ban nhân dân thị trấn **N**, huyện **N**, tỉnh **Lai Châu** cấp xác nhận trong thời kỳ hôn nhân chị **Cà Thị P** và anh **Lò Văn D** có 02 (hai) con chung chưa thành niên là cháu **Lò Minh K**, sinh ngày 24/11/2013 và cháu **Lò Hữu P1**, sinh ngày 27/01/2019.

Xét về điều kiện nuôi con chung, anh **Lò Văn D** và chị **Cà Thị P** đều có nơi cư trú ổn định tại tổ dân phố **N**, thị trấn **N**, huyện **N**, tỉnh **Lai Châu**; anh chị có nghề nghiệp là lao động tự do với mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương là 45.000.000 đồng/năm (khoảng 3.750.000 đồng/người/tháng). Chị **Cà Thị P** chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và quy định của địa phương, không mắc tệ nạn xã hội, riêng anh **Lò Văn D** nghiện chất ma túy, hiện đang phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, trong thời gian chấp hành quyết định anh **D** không có thu nhập. Qua xác minh và bản thân anh **Lò Văn D** thừa nhận anh nghiện chất ma túy nên không có đủ điều kiện để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Về phía chị **Cà Thị P** có điều kiện đảm bảo việc sinh hoạt, học tập của con chung chưa thành niên.

Tại thời điểm giải quyết vụ án xác định cháu **Lò Minh K** đã trên 7 tuổi, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện **Nậm Nhùn** tiến hành hỏi ý kiến con chung chưa thành niên. Ý kiến của con chung chưa thành niên muốn ở cùng với mẹ là chị **Cà Thị P**, do bố là anh **Lò Văn D** nghiện chất ma túy gây ảnh hưởng đến tâm lý và sinh hoạt, học tập của các cháu.

Tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình ở địa phương đề nghị Tòa án xem xét, do anh **Lò Văn D** nghiện chất ma túy, hiện đang phải chấp hành quyết định cai nghiện nên không đảm bảo việc nuôi con. Do đó, cần giao con chung chưa thành niên cho chị **Cà Thị P** là người có đủ điều kiện hơn trong việc đảm bảo sinh hoạt về mọi mặt của con chung chưa thành niên, tránh những xáo trộn về môi trường sống, học tập dễ ảnh hưởng đến tâm lý trẻ em.

Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu **Lò Minh K** và **Lò Hữu P1** hiện đang ở độ tuổi rất cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ, để đảm bảo phát triển về thể chất, tinh thần và nhân cách. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị **Cà Thị P**, giao cho chị **P** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung chưa thành niên từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Cà Thị P** không yêu cầu anh **Lò Văn D** cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn tham gia phiên tòa về việc giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[2.5] Về án phí: Nguyên đơn chị **Cà Thị P** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Cà Thị P**, xử cho chị **Cà Thị P** ly hôn với anh **Lò Văn D**.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị **Cà Thị P** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung chưa thành niên là cháu **Lò Minh K**, sinh ngày 24/11/2013 và cháu **Lò Hữu P1**, sinh ngày 27/01/2019 từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Anh **Lò Văn D** có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị **Cà Thị P** theo quyết định của Tòa án. Chị **P** có quyền yêu cầu anh **D** cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Anh **Lò Văn D** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Cà Thị P** không yêu cầu anh **Lò Văn D** cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Cà Thị P** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận chị **Cà Thị P** đã nộp tiền tạm ứng án

phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0000467 ngày 03/06/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Nậm Nhùn;
- UBND thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**





